TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 125/2019/ DS-ST Ngày: 29-11-2019 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương BYă – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2018/TLST-DS ngày 08/8/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn số 195/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Tháp B, 35 Quận HK, Quận H, Hà Nội.

Đơn vị tham gia ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phú D – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk.

(*Quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Ngân hàng TMCP Đ về việc ủy quyền tham gia tố tụng*)

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông Đỗ Mạnh C – C/v Phó giám đốc Phòng giao dịch Tây Ban Mê. (Có mặt)

Địa chỉ: x đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

Bà Trịnh Thị Kim L

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Ông Trịnh Quang T

Ông Trịnh Quang H

Bà Trịnh Thị Tuyết T

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Đỗ Mạnh C trình bày:

Ngày 19/11/2014 ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đắk Lắk để vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 11 tháng.

Mục đích vay: sửa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HĐTC ngày 18/11/2014, để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V5xxx được UBND huyện K cấp ngày 20/8/2002 đứng tên hộ Trịnh Quang L, thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 đất toạ lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Từ ngày 19/5/2015 khoản vay của ông L, bà T đã bị chuyển sang quá hạn lãi và đến ngày 19/10/2015 khoản vay bị chuyển quá hạn gốc với số tiền 300.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến nay ông L, bà T đã trả được 8.487.500 đồng nợ lãi, chưa trả gốc. Dư nợ vay lãi gốc phải trả tính đến ngày 15/8/2018 là 456.187.500 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền 456.187.500 đồng, trong đó, Nợ gốc: 300.000.000 đồng, Nợ lãi: 156.187.500 đồng (tính đến ngày 15/8/2018) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt điểm nợ.

Trường hợp ông L, bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 Bị đơn ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Vào năm 2014 vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đắk Lắk số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng ngày 19/11/2014 khi vay gia đình ông bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 5xxx do UBND huyện K cấp ngày 20/8/2002, diện tích 2.320m^2, thửa đất tại xã B, huyện K. Kể từ ngày vay cho đến nay gia đình ông bà chưa thanh toán tiền vay và lãi xuất cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả tiền gốc và lãi xuất cho ngân hàng tính đến ngày 04/8/2017 với số tiền 406.575.000 đồng thì gia đình ông bà xin được gia hạn thời gian trả nợ. Mặt khác do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng đi làm thuê tại Đắk Song còn các con là bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Quang T, Trịnh Quang H và bà Trịnh Thị Tuyết T đi học và ở nơi khác. Gia đình ông bà không có khả năng trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, nên ông bà đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản mà vợ chồng ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Người có quyền nghĩa vụ liên quan**: bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Quang T, Trịnh Quang H và bà Trịnh Thị Tuyết T mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bị đơn ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định; Nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Ông L, bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm

nay bị đơn ông Trịnh Quang L, bà Nguyễn Thị T và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Kim L, ông Trịnh Quang T, ông Trịnh Quang H, bà Trịnh Thị Tuyết T vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bên phía bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan cũng không có văn bản phản hồi và không có mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nợ gốc và lãi:

Ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T xác nhận có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Bắc Ban Mê số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay: sửa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay: 11 tháng, lãi suất vay: 10,5%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD CIF6739768 ký ngày 19/11/2014. Trong quá trình vay ông L, bà T đã trả được 8.487.500 đồng, sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà T xác nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tại ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật của nhà nước. Như vậy việc bị đơn ông L, bà T không trả nợ được tiền lãi và gốc cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết là vi phạm hợp đồng theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay là 517.875.000 đồng trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 217.875.000 đồng (tính đến ngày 29/11/2019) đồng và còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD CIF6739768 ký ngày 19/11/2014 kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về xử lý đối với tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD CIF6739768 ký ngày 19/11/2014, ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2014/HĐTC ngày 18/11/2014, công chứng ngày 18/11/2014 được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên môi trường – huyện K ngày 18/11/2014 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ ông Trịnh Quang L gồm thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 đất toạ lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Kim L, anh Trịnh Quang T, anh Trịnh Quang H và chị Trịnh Thị Tuyết T là các

thành viên trong hộ gia đình đã làm giấy ủy quyền cho cha mẹ là ông Trịnh Quang L, bà Nguyễn Thị T được quyền quyết định và sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận số V 5xxx do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/8/2002 tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 tại xã B, huyện K để tiếp tục vay vốn cũng như xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng khi đến hạn. Giấy ủy quyền này được chứng thực tại UBND xã B ngày 03/8/2018.

Đồng thời tại bản tự khai tại Tòa ngày 27/10/2017 ông L, bà T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, nên đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản mà vợ chồng ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ.

Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Trường hợp ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T trả đủ toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả lại cho ông L, bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 5xxx do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Trịnh Quang L (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 đất toạ lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T không trả được số nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2014/HĐTC ngày 18/11/2014 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện K. Do đó ông L, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể là: 20.000.000 đồng + (4% x {517.875.000 đồng – 400.000.000 đồng})= 24.715.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí DSST nên hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 10.131.500 đồng do Ngân hàng TMCP Đ – CN Đắk Lắk đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000113 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Áp dụng Điều 4, Điều 56, khoản 1 Điều 58 nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về các giao dịch bảo đảm.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban tường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 517.875.000 đồng (*Năm trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 217.875.000 đồng (tính đến ngày 29/11/2019) và tiếp tục trả nợ lãi kể từ ngày 30/11/2019 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD CIF6739768 ký ngày 19/11/2014.

Trường hợp ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 đất toạ lạc tại xã B, huyện K,tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 5xxx do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/8/2002 cho hộ ông Trịnh Quang L, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải trả cho hộ ông Trịnh Quang L tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 5xxx do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/8/2002, thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.320m^2 đất toạ lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trịnh Quang L và bà Nguyễn Thị T phải chịu: 24.715.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 10.131.500 đồng (*Mười triệu một trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng*) do Ngân hàng TMCP Đ– CN Đắk Lắk đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000113 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc